

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **1162** /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày **19** tháng **8** năm **2019**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chi tiết điều chỉnh,
mở rộng Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500;

Xét Tờ trình số 851/TTr-KKT ngày 17/7/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh về việc thẩm định và ban hành Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2755/BC-SXD ngày 12/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo Đồ án Quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500.

Điều 2. Giao Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Bình công bố công khai Quy định này để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Bình; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND huyện Quảng Trạch, Chủ tịch UBND xã Quảng Đông và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVXDCB.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang



**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT
ĐIỀU CHỈNH, MỞ RỘNG KHU CÔNG NGHIỆP CẢNG BIỂN
HÒN LA, TỶ LỆ 1/500**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-UBND ngày 19/8/2019
của UBND tỉnh Quảng Bình)*

**CHƯƠNG I:
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi áp dụng:

- Quy định này hướng dẫn việc quy hoạch quản lý đầu tư xây dựng, bảo vệ và sử dụng các công trình, kiến trúc cảnh quan theo đúng đồ án Quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình.

- Ngoài những quy định trong văn bản này, việc quản lý đầu tư xây dựng, kiến trúc cảnh quan trong khu vực quy hoạch còn phải tuân thủ các Quy chuẩn về xây dựng, Tiêu chuẩn thiết kế và các quy định khác của pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Quy định quản lý này sử dụng kết hợp với thuyết minh, bản vẽ của hồ sơ đồ án Quy hoạch Quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500.

- Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi các nội dung Quy định này phải báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và quản lý kiến trúc trong khu vực quy hoạch nói trên đều phải thực hiện theo đúng theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt và các quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG II:
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 2. Phạm vi, ranh giới và tính chất, chức năng khu vực quy hoạch.

1. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

Khu vực lập quy hoạch chi tiết thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tuyến đường quy hoạch rộng 24m;
- Phía Nam giáp ruộng lúa;
- Phía Đông giáp tuyến đường quy hoạch rộng 24m;
- Phía Tây giáp tuyến đường quy hoạch rộng 24m.

2. Quy mô diện tích: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết có diện tích 67,9ha.

3. Tính chất, chức năng của khu vực lập quy hoạch:

Theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 815/QĐ-TTg ngày 10/7/2012, khu vực nghiên cứu lập quy hoạch đã được định hướng phát triển khu công nghiệp.

- Trong khu vực quy hoạch phân thành 03 khu vực gồm: Khu công nghiệp mở rộng, khu hạ tầng xã hội ngoài hàng rào khu công nghiệp và khu dân cư thôn Minh Sơn ghép nối để kết nối hạ tầng kỹ thuật.

+ Khu công nghiệp phát triển mở rộng tiếp giáp về phía Tây của Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La hiện có.

+ Khu hạ tầng xã hội ngoài hàng rào bao gồm: 02 khu dân cư hiện hữu, trường tiểu học và trường mầm non hiện trạng, 02 lô đất dự phòng và lô đất cây xanh thể thao bố trí tại trung tâm khu vực quy hoạch; các khu đất ở tập thể bố trí tại góc Tây Nam khu vực quy hoạch.

+ Khu dân cư thôn Minh Sơn bố trí tại góc Tây Bắc khu vực quy hoạch.

Điều 3. Quy định về sử dụng đất và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trong khu vực quy hoạch.

1. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	Kí hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	MĐXD tối đa (%)	Chiều cao tối đa (m)
A		Đất khu vực lập quy hoạch	590.000		
I		Đất khu công nghiệp	487.194		
1	A, B	Đất xây dựng xí nghiệp, nhà máy	336.373	60	20
2	CXCL	Đất cây xanh cách ly	71.913		
3	MH	Đất mương hồ thoát nước mưa, hành lang kỹ thuật	20.608		
4		Đất giao thông, bãi đỗ xe, HTKT	58.300		
II		Đất khu HTXH ngoài rào	102.806		
1	OC	Đất ở cũ hiện trạng	12.935	70	20
2	ODK	Đất ở tập thể dầu khí Quảng Đông	7.626	50	30
3	OT	Đất ở tập thể, chung cư	28.544	50	30
4	NT	Đất trường mầm non	5.266	40	15
5	TH	Đất trường tiểu học	10.951	40	15
6	CXTT	Đất cây xanh thể thao	8.835	10	5

7	DP	Đất dự phòng	28.649	50	25
B		Đất khu vực nghiên cứu, ghép nối	89.000		
1		Đất khu ở mới thôn Minh Sơn	54.292		
2		Đất giao thông đối ngoại	34.708		
		Tổng cộng (A+B)	679.000		

(Sơ đồ vị trí, ranh giới, quy mô các lô đất cụ thể theo bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt).

2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Trên các khu đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp được phép xây dựng công trình với mật độ xây dựng tối đa là 60%, chiều cao tối đa là 20m (Chiều cao tối đa này chỉ áp dụng cho công trình văn phòng, nhà kho, nhà xưởng, công trình phụ trợ. Riêng chiều cao của các dây chuyền sản xuất, thiết bị công nghệ không khống chế chiều cao), chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 8m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Trên các khu đất ở hiện trạng xây dựng công trình với mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Trên các khu đất ở tập thể, chung cư xây dựng công trình với mật độ xây dựng tối đa 50%, chiều cao tối đa là 30m, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Trên các khu đất trường học xây dựng công trình với mật độ xây dựng tối đa 40%, chiều cao tối đa là 15m, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Trên khu đất cây xanh thể thao tổ chức trồng nhiều cây xanh, vườn hoa, tiểu cảnh, đường dạo nhằm tạo không gian sinh hoạt chung. Trong khu đất này được phép tổ chức một số không gian và công trình thể thao ngoài trời phục vụ cộng đồng dân cư với mật độ xây dựng tối đa 10%, chiều cao tối đa là 5m.

- Trên các khu đất cây xanh cách ly tổ chức trồng nhiều cây xanh (tối thiểu 50% diện tích đất phải được trồng cây xanh), tạo không gian mặt nước để cải thiện điều kiện vi khí hậu và môi trường.

- Trên khu đất dự phòng được phép sử dụng để xây dựng các công trình công cộng, thương mại dịch vụ với mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao 25m và phải đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh với các nhà máy, xí nghiệp theo quy định, chỉ giới xây dựng lùi tối thiểu 5m so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường tiếp giáp.

- Tổ chức trồng nhiều cây xanh trên vỉa hè các tuyến đường, cây xanh trong các khu đất để tạo cảnh quan đồng thời để cải thiện điều kiện khí hậu.

- Khoảng cách ly vệ sinh: Đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp được phân chia làm hai loại theo cấp độ hại (cấp V và cấp IV), được bố trí đảm bảo khoảng cách ly an toàn đối với khu dân cư và công trình công cộng xung quanh, cụ thể: Đất xí nghiệp độc hại cấp V (gồm 14 lô) có khoảng cách ly tối thiểu 50m. Đất xí nghiệp độc hại cấp IV (gồm 5 lô) có khoảng cách ly tối thiểu 100m.

3. Yêu cầu về kiến trúc công trình:

- Thiết kế công trình trong khu vực quy hoạch phải có hình thức kiến trúc hiện đại, màu sắc phù hợp với chức năng sử dụng của từng công trình. Tuân thủ các chỉ tiêu đã khống chế về mật độ xây dựng, tầng cao công trình, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng. Cần bố trí đủ chỗ đỗ xe, sân bãi phục vụ cho bản thân công trình theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Khuyến khích việc thiết kế, xây dựng công trình theo hướng tiết kiệm năng lượng, sử dụng các vật liệu thân thiện môi trường nhằm góp phần phát triển Khu công nghiệp theo định hướng “xanh” và bền vững.

- Tổ chức hệ cây xanh, vườn hoa trong từng lô đất đảm bảo diện tích theo quy định. Khuyến khích tổ chức trồng cây xanh bóng mát, vườn hoa, mặt nước trong các khu đất nhằm điều hòa vi khí hậu, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Điều 4. Các quy định chủ yếu về hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải xây dựng đồng bộ, quy mô công suất các công trình phải đảm bảo yêu cầu đáp ứng tối thiểu nhu cầu sử dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, phù hợp với đồ án quy hoạch chi tiết được UBND tỉnh phê duyệt.

- Các giải pháp đấu nối với hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cao độ san nền và thoát nước mưa, cấp nước, năng lượng, chiếu sáng, thoát nước thải, thông tin liên lạc,...) của khu vực phải đảm bảo khớp nối thống nhất, đồng bộ và phải có ý kiến thỏa thuận của các Cơ quan quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật trong quá trình lập dự án đầu tư xây dựng.

1. Giao thông:

Mạng lưới đường giao thông: Xây dựng các tuyến đường giao thông đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên tuyến theo đúng Quy hoạch chi tiết được duyệt (cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, cấp điện, thông tin liên lạc...).

- Tuyến đường (mặt cắt 1-1) có quy mô mặt cắt ngang điển hình rộng $B=24,0m$, bao gồm: lòng đường rộng $8,0m \times 2$; vỉa hè hai bên rộng $4,0m \times 2$.

- Tuyến đường (mặt cắt 2-2) có quy mô mặt cắt ngang điển hình rộng $B=15,0m$, bao gồm: lòng đường rộng $4,5m \times 2$; vỉa hè đường rộng $3,0m \times 2$.

- Tuyến đường (mặt cắt 3-3) có quy mô mặt cắt ngang điển hình rộng $B=22,5m$, bao gồm: lòng đường rộng $8,0m \times 2$; vỉa hè đường rộng $4m + 2,5m$.

- Tuyến đường kết hợp bãi đỗ xe (mặt cắt B-B) có quy mô mặt cắt ngang điển hình rộng $B=30,0m$, bao gồm: lòng đường rộng $4,5m \times 2$; vỉa hè hai bên rộng $21m$.

2. San nền:

Trong khu vực quy hoạch chia thành 3 khu vực: Khu dân cư và các công trình hiện có cơ bản giữ nguyên theo hiện trạng; khu vực san đào để tạo kênh mương thoát nước; khu vực san lấp là các khu vực còn lại.

+ Đối với các khu vực dân cư và các công trình hiện trạng có cao độ nền tương đương với cao độ quy hoạch các tuyến giao thông nên chỉ san gạt cục bộ tại các vị trí cần thiết tạo mặt phẳng khi đầu tư xây dựng công trình và để phù hợp với cao độ các tuyến đường tiếp giáp.

+ Đối với các khu vực xây dựng các hồ nước nhân tạo, kênh mương, cao độ đáy của hồ và kênh mương được tạo lập đảm bảo cho việc tạo không gian mặt nước và thoát lũ nhanh và cho toàn khu vực.

+ Đối với các khu vực định hướng quy hoạch phát triển các khu chức năng mới có địa hình thấp trũng được san đắp trên toàn bộ diện tích. Độ dốc nền cục bộ từng khu đất từ $\geq 0,4\%$ đảm bảo thoát nước tự chảy. Cao độ san nền trong các khu đất được khống chế tương đương cao độ mép vỉa hè các tuyến đường giao thông tiếp giáp. Cao độ khống chế san nền cho khu vực này tối thiểu là +5m, tối đa là +13m.

3. Thoát nước mưa:

- Nước mưa của khu vực quy hoạch thoát theo nguyên tắc tự chảy, được thu gom qua hệ thống giếng thu, hố ga và theo các tuyến cống bố trí dọc theo vỉa hè các tuyến đường giao thông. Toàn bộ nước mưa của khu vực quy hoạch được thu gom và thoát về các tuyến mương hở, kênh đào và hồ nước nhân tạo trong khu vực quy hoạch sau đó thoát ra kênh đào phía Nam khu vực quy hoạch.

- Các tuyến mương hở, kênh đào rộng từ 2,5m đến 7m ở giữa các dải cây xanh cách ly để thu gom toàn bộ nước mưa của khu vực quy hoạch.

- Hệ thống cống thoát nước mưa dùng loại cống tròn BTCT đúc sẵn đường kính từ D400 đến D2000, cống hộp B1500 đến B2500 và hệ thống mương hở.

- Hệ thống hố ga thu nước trên cùng một tuyến đường bố trí cách nhau từ 30-40m.

- Quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan quản lý để được thỏa thuận về giải pháp thiết kế, cải tạo, hoàn trả các tuyến kênh, mương hiện có đi qua khu quy hoạch và giải pháp thoát nước trước mắt của khu quy hoạch đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt và sản xuất của khu vực.

- Trên hệ thống thoát nước mưa bố trí các công trình kỹ thuật như giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra,... theo quy định hiện hành.

4. Cấp nước:

- Nguồn nước: Nguồn cấp được lấy từ hệ thống cấp nước hiện có thuộc Khu công nghiệp cảng biển Hòn La, đầu nối từ tuyến ống D100 dọc theo tuyến đường phía Đông, phía Bắc và phía Tây khu vực lập quy hoạch.

- Mạng lưới cấp nước: Trên cơ sở tuyến ống D100 hiện có, đầu nối, thiết lập các tuyến ống D100 tạo thành mạch vòng và các tuyến nhánh D50 đi theo vỉa hè các tuyến đường, tiếp cận tất cả các lô đất để cấp nước cho các khu chức năng, đảm bảo cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa.

- Các họng cứu hỏa bố trí trên các đường ống cấp nước D100 tại vỉa hè các nút giao thông (ngã ba, ngã tư) để thuận tiện cho xe cứu hỏa lấy nước chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới $\leq 150m$.

- Ống cấp nước đặt trên vỉa hè theo chỉ giới được xác định trên mặt cắt đường giao thông và độ sâu chôn ống từ 0,5m đến 1,0m.

- Trên mạng lưới cấp nước bố trí các van chặn, van xả cạn, van xả khí, họng cứu hỏa... đảm bảo theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

5. Cấp điện, chiếu sáng:

- Nguồn cấp: Nguồn điện cấp cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ trạm biến áp 110kV Ba Đồn 110/35/22kV: 2x25MVA và trạm 110kV Hòn La 110/22kV: 2x40MVA (Theo định hướng trong đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La đến năm 2030 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt).

- Lưới điện cấp cho khu vực quy hoạch được phát triển từ lưới điện cấp cho khu công nghiệp Cảng biển Hòn La hiện có. Quy hoạch lưới điện trung thế 22KV đi nổi cấp cho khu vực quy hoạch.

- Trạm và lưới hạ thế:

+ Bố trí 01 trạm công suất 320KVA - 22/0,4KV cấp điện sinh hoạt cho các công trình công cộng, các khu dân cư hiện hữu và cấp điện chiếu sáng.

+ Đối với các khu có phụ tải lớn, xây dựng các điểm đầu trung thế trên mạch chính cho từng khu. Các trạm biến áp cụ thể sẽ được đầu nguồn sau điểm đầu này. Vị trí đặt trạm phụ thuộc tổng mặt bằng từng dự án đầu tư xây dựng.

+ Lưới hạ thế sử dụng điện áp 380/220V ba pha bốn dây, trung tính nối đất trực tiếp. Lưới hạ thế xuất tuyến sau trạm hạ thế cấp điện cho các tủ điện tổng của từng công trình.

- Chiếu sáng giao thông:

+ Các tuyến giao thông có mặt cắt ngang mặt đường $>10,5m$ bố trí chiếu sáng 2 bên đường, đường có mặt cắt $<10,5m$ bố trí 1 tuyến chiếu sáng 1 bên đường.

+ Đầu tư xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đồng bộ, đủ tiêu chuẩn cho các tuyến đường giao thông.

+ Đèn chiếu sáng phải sử dụng loại có hiệu suất quang cao, chóa đèn có độ kín khí lớn.

- Chiếu sáng cảnh quan:

+ Giải pháp chiếu sáng không gian công cộng phải góp phần tăng tính thẩm mỹ, góp phần hài hòa giữa các yếu tố cảnh quan như cây xanh, mặt nước thảm cỏ... với các công trình kiến trúc. Cần lựa chọn, sử dụng các hình thức và phương thức chiếu sáng sao cho phù hợp từng công trình.

+ Khu công nghiệp hạn chế chiếu sáng dàn trải, tập trung vào chiếu sáng đảm bảo an ninh về đêm.

6. Thông tin liên lạc:

- Xây dựng hệ thống cống bê theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bê để phát triển dịch vụ.

- Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống cống bê, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể chôn trực tiếp ống nhựa dưới vỉa hè, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

- Các cống bê cáp và nắp bê đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng theo quy chuẩn của ngành.

- Các tủ, hộp cáp bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý sau này.

7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Toàn bộ nước thải phải được thu gom và dẫn đến trạm xử lý nước thải hiện có tại khu vực phía Đông khu vực quy hoạch với công suất xử lý 2.000m³/ng.đêm. Nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp được thu gom triệt để và xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn phát thải theo quy định sau đó mới được thải vào hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp.

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Xây dựng hệ thống cống thoát nước thải D300 dọc theo vỉa hè các tuyến đường để thu gom nước thải từ các khu chức năng dẫn đến trạm xử lý nước thải hiện có của khu công nghiệp.

- Chất thải rắn, rác thải sinh hoạt được phân loại, thu gom tại từng cụm công trình và từng khu chức năng sau đó được đưa ra điểm tập kết rác thải của khu công nghiệp, từ đó sẽ được xe cơ giới thu gom, vận chuyển về khu xử lý rác chung của huyện Quảng Trạch.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Trách nhiệm quản lý.

1. Quy định quản lý này được lưu trữ tại Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Xây dựng, UBND huyện Quảng Trạch, UBND xã Quảng Đông.

2. Giao Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND huyện Quảng Trạch, UBND xã Quảng Đông căn cứ đồ án Quy hoạch chi tiết điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp cảng biển Hòn La, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh và Quy định này để tổ chức quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng đúng theo quy hoạch và theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài những quy định trong Quy định này, việc quản lý xây dựng trong khu vực còn phải tuân theo các quy định hiện hành khác của Pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Ban Quản lý Khu kinh tế để tổng hợp, báo cáo, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Điều 6. Mọi vi phạm các điều khoản của quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Quang